

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2025/DS-PT
Ngày 04 tháng 9 năm 2025
“V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất;
yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất;
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 454/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Nay là thành phố Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 896/2025/QĐPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chùa P;

Địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền do Văn phòng Công chứng Ba Xuyên, thành phố Cần Thơ công chứng ngày 04/8/2025): Bà Huỳnh Ánh T, sinh năm 1980 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Trung Trực, Khóm 1, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ;

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

2.2. Ông **Trần Văn U** (Tên gọi khác: **C**), sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn D và ông Trần Văn U (Văn bản uỷ quyền do Văn phòng công chứng Trương Văn Trung, thành phố Cần Thơ công chứng ngày 07/12/2022 và ngày 02/02/2023): Bà Trần Xuân N, sinh năm 1958 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 131A1, Tổ 01, Khu vực 02, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là số 131A1, Tổ 01, Khu vực 2, phường Tân An, thành phố Cần Thơ);

2.3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H (Văn bản uỷ quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn Kế Sách chứng thực ngày 19/12/2022): Ông Dương Quốc Việt A, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 109 đường D14, khu dân cư Hồng Loan, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (Nay là số 109 đường D14, khu dân cư Hồng Loan, phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ);

2.4. Bà **Trần Thị Thanh T¹** – Vắng mặt

2.5. Chị **Trần Thị Yên T²**, sinh năm 2004 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền số 499/UBND-NC ngày 07/8/2025): Ông Nguyễn Văn Đ³, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ – Vắng mặt;

3.2. Công an xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Công an xã An Mỹ, tỉnh Sóc Trăng: Công an xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp của Công an xã Nhơn Mỹ (văn bản ủy quyền số 27/QĐ-CAX ngày 05/8/2025): Ông Huỳnh Trọng H⁴, Phó Trưởng Công an xã Nhơn Mỹ - Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

3.3. Bà Trần Thị Đ – Vắng mặt;

3.4. Ông Trần Lê H¹ – Vắng mặt;

3.5. Bà Trần Như N¹ – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

3.6. Bà Trần Xuân N, sinh năm 1958 – Có mặt;

3.7. Bà Trần Thị Thuý H² – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 131 A1, Tổ 01, Khu vực 02, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là số 131A1, Tổ 01, Khu vực 2, phường Tân An, thành phố Cần Thơ);

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Huỳnh Thị Đ¹, sinh năm 1949 – Vắng mặt;

4.2. Ông Huỳnh Văn M – Vắng mặt;

4.3. Ông Trần An V – Vắng mặt;

4.4. Bà Đinh Thị T³, sinh năm 1949 – Vắng mặt;

4.5. Ông Huỳnh Tấn P – Vắng mặt;

4.6. Ông Đặng Văn Bé H³ – Vắng mặt;

4.7. Ông Lê Văn T⁴ – Vắng mặt;

4.8. Ông Nguyễn Văn S – Vắng mặt;

4.9. Bà Nguyễn Thị B – Vắng mặt;

- 4.10. Ông Nguyễn Văn S¹ – Vắng mặt;
- 4.11. Ông Nguyễn Văn K – Vắng mặt;
- 4.12. Bà Trần Thị N² – Vắng mặt;
- 4.13. Ông Nguyễn Thanh Đ² – Vắng mặt;
- 4.14. Bà Nguyễn Thị Tuyết N³ – Vắng mặt;
- 4.15. Ông Cao Văn N⁴ – Vắng mặt;
- 4.16. Ông Nguyễn Văn N⁵ – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Phụng An, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ);

5. *Người kháng cáo:* Bà Trần Xuân N là người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Văn D và Trần Văn U;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 05/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chùa P do người đại diện hợp pháp trình bày:

Thửa đất số 1089, diện tích 21.533 m² (Đất tôn giáo: 8.061 m² và đất trồng cây lâu năm 13.472 m²), Tờ bản đồ số 4, ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là của Chùa P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008. Trong phần đất trồng cây lâu năm thì cụ Trần Văn D¹ đã lấy 3.386 m² nay giao lại cho ông Trần Văn D sử dụng, cất nhà kiên cố trên đất.

Chùa P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn: Trần Văn D, Nguyễn Thị H, Trần Văn U, Trần Thị Thanh T¹, Trần Thị Yến T² phải trả lại cho Chùa diện tích đo đạc thực tế là 3.640,9 m² thuộc một phần Thửa đất số 1089. Chùa đồng ý cho ông D, ông U tiếp tục mượn đất mà hai ông đã cất nhà để ở đến hết đời, không được chuyển quyền sử dụng đất cho người khác, khi ông D và ông U qua đời thì trả đất lại cho Chùa. Diện tích đất còn lại (trừ diện tích đã cất nhà) thì phải trả lại cho Chùa. Chùa đồng ý hoàn trả giá trị các cây trồng trên đất và mở lối đi chiều ngang 3 mét từ lộ nhựa đến khu mồ mả thân tộc gia đình ông D.

Tại Đơn phản tố ngày 16/01/2023 của bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Gia đình ông D đã sinh sống trên đất từ thời bà cố của ông D là cụ cố T⁵ để lại đến nay đã trên 70 năm, mồ mả ông bà cha mẹ của ông D được chôn cất tại đây như hiện trạng thực tế từ năm 1994 đến nay. Gia đình ông D đã sinh sống tại đây từ trước năm 1975 qua 3, 4 thế hệ không xảy ra tranh chấp với ai. Xung quanh đất đã có hàng rào trụ đá, có ranh giới cụ thể: Đông giáp lộ Công an xã,

Tây giáp giáp đất gia đình Thầy Cai, Nam giáp đất nhà ông Thi và Bắc giáp Chùa P. Phần đất này là phần đất gia đình ông D hoán đổi với Chùa để xây tượng và mở rộng đường đi, một phần khác giáp với trường học, đường lộ và gia đình ông Thi (Mảnh đất này gắn liền với diện tích đất mà gia đình ông D đã canh tác và sử dụng từ trước đến nay, do đường lộ mở nên mới bị chia cắt).

Gia đình ông không nắm rõ luật pháp nên không làm chủ quyền đất, cho đến khi Chùa khởi kiện thì ông mới biết Chùa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008. Do gia đình ông sử dụng đất mà không kê khai đăng ký đất nên trụ trì Chùa là bà N⁶ đã kê khai ghép thửa phần đất của gia đình ông và phần đất của gia đình Thầy Cai vào đất Chùa. Cụ thể năm 1994 diện tích đất Chùa là 17.981 m² đến năm 2008 thì Chùa được cấp diện tích 21.533 m², chênh lệch tăng 3.552 m² tương đương diện tích đất của gia đình ông và ông Minh đã canh tác từ trước năm 1975.

Ông Trần Văn D có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét tính hợp pháp của việc khai hồ sơ địa chính của Chùa P xin ghép thửa đất năm 1994 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008; Huỷ một phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chùa P năm 2008 và điều chỉnh diện tích đất của Chùa P lại theo diện tích được cấp năm 1994.

Tại Bản tự khai ngày 17/8/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Năm 1950, bà cố của bà là Cái Thị T⁶ có cho cụ Trần Văn D¹ là cha của bà 2.600 m². Gia đình bà đã sinh sống ổn định tại đây từ trước năm 1975, do không nắm rõ pháp luật nên không kê khai đăng ký đất, chính quyền địa phương cũng không có phản ánh gì. Gia đình bà đã ở ổn định trên 70 năm nên Chùa P yêu cầu phải trả đất cho Chùa là không thực tế. Bà N⁶ về làm Trụ trì Chùa đã ngang nhiên đốt bụi tre khoảng 500 gốc của gia đình bà nên phát sinh mâu thuẫn nên năm 2008 bà N⁶ tự ý kê khai các thửa đất ghép lại thành diện tích 21.533 m² trong khi năm 1994 chỉ có 17.981 m².

Năm 2020, ông U xây dựng nhà như hiện nay thì Chùa cũng không phản ánh gì, chỉ mong muốn đổi 10 mét ngang để mở rộng đường vào Chùa và xây dựng tượng Quan Âm như hiện nay, Chùa đã đổi 10 mét và đã trả tiền cho ông D. Khi ông U xây dựng nhà xong thì bà N⁶ và Ủy ban nhân dân xã trao đổi gì với ông D yêu cầu ký biên bản gì đó với Chùa, sau này mới biết biên bản giống như Tờ cam kết mà phần thiệt hại thì về gia đình các bị đơn.

Bà yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc Chùa P xin ghép 03 thửa đất số 1098, 1089, 1090 diện tích 17.981 m² năm 1994 thành thửa 1089 năm 2008 diện tích 21.533 m²; Yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 của Chùa và điều chỉnh lại diện tích được cấp năm 1994 là 17.981 m².

Tại các bản khai ngày 17/8/2024, ngày 19/8/2024 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Trần Lê H¹, Trần Thị Đ, Trần Như N¹, Trần Thị Thuý H² đều trình bày: Cụ Trần Văn D¹ là cha của các đương sự này được có Cái Thị T⁶ cho 2.600 m² ở đến năm 2005 cụ D¹ chết giao đất lại cho ông D tiếp tục sử dụng đến nay. Năm 2008 gia đình xảy ra mâu thuẫn với Chùa thì mới biết Chùa đã kê khai đất của gia đình vào đất của Chùa. Đề nghị xem xét cho gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26 và Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn;

1. Buộc các bị đơn Trần Văn D, Nguyễn Thị H, Trần Thị Thanh T¹, Trần Văn U (C) và Trần Thị Yên T² có trách nhiệm trả lại diện tích 2.765,7 m² thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho Chùa P.

2. Ôn định cho bị đơn Trần Văn D được quyền quản lý sử dụng diện tích 273,6 m² thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

3. Ôn định cho bị đơn Trần Văn U (C) được quyền quản lý sử dụng diện tích 234,6 m² thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

4. Ôn định cho gia đình các bị đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích xây dựng mộ là 30 m² thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

5. Ôn định cho Công an xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng được quyền quản lý sử dụng diện tích 337 m² thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích sử dụng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Buộc nguyên đơn có trách nhiệm trả giá trị cây trồng cho bị đơn Trần Văn D là 68.583.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Nguyên đơn được quyền định đoạt đối với số cây trồng trên đất.

7. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chùa P về việc cho bị đơn ông Trần Văn D, ông Trần Văn U tiếp tục mượn sử dụng phần đất đã cất nhà ở cho hết đời. Sau khi ông Trần Văn D và ông Trần Văn U qua đời, vợ và các thừa kế của những người này phải có trách nhiệm trả lại diện tích đất nêu trên cho Chùa P.

8. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Văn D về yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc khai hồ sơ địa chính của Chùa P khi xin ghép thửa đất được cấp năm 1994 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2008 và huỷ một phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Chùa P được cấp năm 2008, điều chỉnh diện tích đất của Chùa P lại theo đúng như diện tích đã được cấp năm 1994.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2024, bà Trần Xuân N là người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Văn D, Trần Văn U có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Trần Xuân N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn;

Bà Huỳnh Ánh T đề nghị bác đơn kháng cáo của bà Trần Xuân N.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần

kháng cáo, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong văn bản ủy quyền, ông Trần Văn D và ông Trần Văn U ủy quyền cho bà Trần Xuân N tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp nên đơn kháng cáo của bà Trần Xuân N đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, những đương sự vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và việc vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

[2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì sản phẩm đo đạc địa chính phải được Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ ký duyệt;

Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác tư pháp (Quyết định ủy thác tư pháp số 1055/2025/QĐ-UTTP ngày 27/5/2025 và Công văn số 1335/CV-DS ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành lập vẫn không được Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền ký duyệt theo quy định của pháp luật đã viện dẫn trên; đồng thời không xác định được phần diện tích đất tranh chấp giữa Chùa P với các bị đơn thuộc các thửa đất nào? (ngoài Thửa đất số 1089 thì phần diện tích các bên tranh chấp có thuộc thửa đất nào khác không), cũng không xác định được nguyên nhân vì sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn năm 1994 là 17.981 m² nhưng đến năm 2008 lại được cấp đến 21.533 m², nguyên nhân tăng 3,552 m²?

Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành lập (không ghi ngày tháng) năm 2023 không được Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền ký duyệt theo quy định của pháp luật nên không đủ cơ sở pháp lý để làm căn cứ xác định các phần đất tranh chấp thuộc thửa đất nào nên không có cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Do việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên chấp nhận một phần kháng

cáo, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

[4] Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn D, ông Trần Văn U do bà Trần Xuân N đại diện; Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm;

2. Ông Trần Văn D và ông Trần Văn U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả mỗi ông 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0009740 ngày 03/3/2025 và Biên lai thu số 0009741 ngày 03/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (21b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công